TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LAI VUNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21/6/2019.
V/v: Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LAI VUNG, TỈNH ĐỒNG THÁP

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà: Ngô Thị Cẩm Hồng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà: Quang Kim Cúc.

Ông: Nguyễn Chí Công.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Châu là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Ngày 21 tháng 6 năm 2019 tại phòng xử án của trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số: 96/2019/TLST-HNGĐ, ngày 15/3/2019 "V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con và chia tài sản chung" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST-HNGĐ, ngày 03 tháng 6 năm 2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Huỳnh Thị Minh T, sinh năm 1997 (có mặt).

Địa chỉ: 527B/5, ấp P, xã H, huyện L, Đồng Tháp.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn Huỳnh Thị Minh T là ông Nguyễn Ngọc A, sinh năm: 1956; Địa chỉ: 291/2, ấp P, xã H, huyện L, Đồng Tháp. Là người đại diện theo ủy quyền, theo văn bản ủy quyền ngày 26/02/2019 (có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn: Nguyễn Hoàng V, sinh năm 1994 (có mặt).

Địa chỉ: 527B/5, ấp P, xã H, huyện L, Đồng Tháp.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Nguyễn Kim H, sinh năm 1970, địa chỉ: 527B/5, ấp P, xã H, huyện L, Đồng Tháp (có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 26/02/2019; đơn khởi kiện bổ sung ngày 14/3/2019; tại biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; hòa giải và tại phiên tòa các đương sự cùng trình bày như sau:

Nguyên đơn chị Huỳnh Thị Minh T trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2016 chị và anh Nguyễn Hoàng V có tìm hiểu nhau, sau đó tổ chức đám cưới vào tháng 6/2017 và có đăng ký kết hôn vào ngày 07/3/2018 tại Ủy ban nhân dân xã H, huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Vợ chồng chung sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, thường xuyên cự cãi với nhau, cuộc sống không hạnh phúc, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng và vợ chồng đã ly thân từ tháng 02/2019 đến nay. Chị T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng V.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con tên Nguyễn Vân A1, sinh ngày 07/11/2018, hiện đang sống với chị T. Chị T yêu cầu được quyền tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:

Đại diện theo ủy quyền của chị T là ông Nguyễn Ngọc A trình bày: Vợ chồng chị T có 15 chỉ vàng 24k, loại 9999 gồm: bông tai 01 chỉ, dây chuyền 06 chỉ, lắc đeo tay bông mai 04 chỉ, lắc đeo tay vuông 03 chỉ, 02 chiếc nhẫn 01 chỉ, sau đó vợ chồng đã bán 02 chỉ, còn lại 13 chỉ vàng 24k, loại 9999, chị T gửi mẹ chồng là bà Nguyễn Kim H giữ vào khoảng tháng 4/2018. Sau đó bà H có nói với vợ chồng chị do bà thiếu nợ nên mượn 13 chỉ vàng cưới bán trả nợ. Nay chị T yêu cầu bà H trả lại cho vợ chồng chị 13 chỉ vàng 24k, loại 9999 để vợ chồng chia đôi tài sản, chị T yêu cầu hưởng 6,5 chỉ vàng 24k, loại 9999, 01 chỉ bằng 3.660.000đ (6.5 chỉ x 3.660.000đ = 23.790.000đ), ngoài ra không yêu cầu gì khác.

Về nợ chung: chị T không cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Nguyễn Hoàng V trình bày:

Về hôn nhân: Anh V thừa nhận lời trình bày của chị T là đúng, hiện nay anh không còn tình cảm với chị T nên đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 người con tên Nguyễn Vân A1, sinh ngày 07/11/2018, hiện đang sống với chị T, anh đồng ý cho chị T tiếp tục nuôi con, anh V không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Vợ chồng có 15 chỉ vàng 24k, loại 9999, quá trình chung sống đã bán 02 chỉ, còn lại 13 chỉ, vợ chồng anh gửi cho mẹ ruột anh là bà Nguyễn Kim H giữ vào tháng 4/2018. Anh không đồng ý chia đôi số vàng cưới, mỗi người hưởng 6,5 chỉ vàng vì anh và chị T sống chung nhà với bà H, mọi chi phí sinh hoạt do bà H chi trả nên bà H đã bán 13 chỉ vàng cưới để trả nợ.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Kim H trình bày: bà là mẹ ruột của anh V và là mẹ chồng của chị T. Vào tháng 4/2018 vợ chồng anh V có gửi cho bà giữ 13 chỉ vàng 24k, loại 9999 gồm: bông tai 01 chỉ, dây chuyền 06 chỉ, lắc đeo tay bông mai 03 chỉ, lắc đeo tay vuông 03 chỉ. Từ lúc đám cưới đến lúc vợ chồng ly thân, vợ chồng anh V sống chung nhà với bà, mọi chi phí sinh hoạt hàng ngày do bà chi trả. Đến tháng 11/2018 chị T sinh con thì mọi chi phí bà chịu nên bà có nói với vợ chồng chị T bán 13 chỉ vàng trả nợ. Nay bà không đồng ý trả lại 13 chỉ vàng cho vợ chồng chị T vì đã bán trả nợ lúc chị T sinh con, ngoài ra bà không yêu cầu gì khác.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Thị Minh T yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Hoàng V; yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con; yêu cầu chia tài sản chung; không yêu cầu giải quyết về nợ chung. Các yêu cầu khởi kiện của chị T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về hôn nhân: Chị T và anh V sống chung với nhau như vợ chồng từ tháng 7/2017, đến ngày 07/3/2018 tiến hành đăng ký kết hôn theo quy định. Đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, tuy nhiên quá trình chung sống có nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm, tình cảm vợ chồng không còn yêu thương nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt nên chị T và anh V cùng đồng ý thuận tình ly hôn. Xét thấy việc thuận tình ly hôn giữa chị T và anh V là hoàn toàn tự nguyện, không trái đạo đức xã hội và phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử công nhận thuận tình ly hôn giữa chị T và anh V.

Về con chung: Xét thấy chị T yêu cầu nuôi cháu Nguyễn Vân A1, sinh ngày 07/11/2018 và anh V đồng ý cho chị T được tiếp tục nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, sự thỏa thuận về việc nuôi con chung sau ly hôn giữa chị T và anh V là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, nên chấp nhận. Do anh V không trực tiếp nuôi con nên được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung, chị T không được quyền cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị T không yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con, nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung:

Hiện nay chị T và anh V còn 13 chỉ vàng 24k, loại 9999 là vàng cưới, vào tháng 4/2018 chị T và anh V có gửi cho bà Nguyễn Kim H là mẹ ruột anh V giữ và bà H thừa nhận có nhận giữ 13 chỉ vàng của vợ chồng chị T. Nay chị T yêu cầu bà H trả lại 13 chỉ vàng để vợ chồng chia đôi nhưng bà H không đồng ý, mặc dù bà H thừa nhận vào tháng 8/2014 có nhận giữ 13 chỉ vàng cưới của vợ chồng Thư, nhưng bà cho rằng tháng 11/2018 Thư sinh con và sống chung nhà với bà, mọi chi phí sinh hoạt bà chi trả nên bà có nợ nhiều người, sau đó bà có nói với vợ chồng chị T là bán 13 chỉ vàng để trả nợ và chị T đồng ý nhưng tại các phiên hòa giải, cũng như tại phiên tòa hôm nay, bà H không giao nộp bất kỳ các tài liệu, chứng cứ nào để chứng minh cho yêu cầu của bà. Chị T cho rằng bà H có nói với chị mượn 13 chỉ vàng để bán và chị đồng ý, việc bà H bán vàng do chị T gửi giữ để trả nợ cho cá nhân là việc riêng của bà, tuy nhiên chị chỉ cho bà H mượn nên

bà H phải có trách nhiệm trả lại vợ chồng chị 13 chỉ vàng, chị yêu cầu được hưởng 6,5 chỉ, anh V hưởng 6,5 chỉ. Xét yêu cầu của chị T là có cơ sở, bởi lẽ bà H có nhận giữ 13 chỉ vàng 24k, loại 9999 của vợ chồng chị T là có thật, do đó Hội đồng xét xử cần buộc bà H có trách nhiệm trả số vàng trên là phù hợp với Điều 554, Điều 556 và Điều 559 của Bộ luật dân sự.

Tại Điều 554 của Bộ luật dân sự quy định: "Hợp đồng gửi giữ tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên giữ nhận tài sản của bên gửi để bảo quản và trả lại chính tài sản đó cho bên gửi khi hết thời hạn hợp đồng, bên gửi phải trả tiền công cho bên giữ, trừ trường hợp gửi giữ không phải trả tiền công".

Đối với anh V cho rằng từ lúc cưới đến lúc chị T sinh con mọi chi phí bà H chịu, bà H đã bán 13 chỉ vàng trên để trả nợ nên anh không yêu cầu bà H trả lại 13 chỉ vàng cưới để vợ chồng chia đôi, anh hưởng 6,5 chỉ vàng nên Hội đồng xét xử không đặt thành vấn đề giải quyết.

Ngoài ra, anh V không đồng ý chia cho chị T hưởng 6,5 chỉ vàng là tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân. Xét yêu cầu của anh V là không có cơ sở, vì tài sản chung của vợ chồng về nguyên tắc là chia đôi nếu các đương sự không thỏa thuận được, do đó Hội đồng xét xử buộc anh V phải có trách nhiệm chia cho chị T 6,5 chỉ vàng cưới nhưng hiện nay số vàng trên bà H đang giữ nên buộc bà H có trách nhiệm trả lại cho chị T 6,5 chỉ vàng 24k, loại 9999, chị T yêu cầu được nhận bằng tiền là 23.790.000đ (6,5 chỉ vàng x 3.660.000đ = 23.790.000đ) là phù hợp với Điều 59 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về nợ chung: Chị T và anh V xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Do buộc bà H trả lại 6,5 chỉ vàng và chị T được hưởng 6,5 chỉ vàng 24k, loại 9999 nên các đương sự phải chịu phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án hôn nhân và gia đình, án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 227; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 554, Điều 556 và Điều 559 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; 55; 58; 59; 81; 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1, điểm a, b khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa chị Huỳnh Thị Minh T và anh Nguyễn Hoàng V.

2. Về con chung:

Chị Huỳnh Thị Minh T được quyền tiếp tục nuôi cháu Nguyễn Vân A1, sinh ngày 07/11/2018.

Về cấp dưỡng: Chị T không yêu cầu cấp dưỡng nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Chị Huỳnh Thị Minh T cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở anh Nguyễn Hoàng V trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung:

Chấp nhận yêu cầu của chị Huỳnh Thị Minh T về việc yêu cầu bà Nguyễn Kim H trả lại 13 chỉ vàng 24k, loại 9999 cho chị T và anh V để chia tài sản chung của vợ chồng.

Buộc bà Nguyễn Kim H có nghĩa vụ trả lại cho chị T và anh V 13 chỉ vàng 24k, loại 9999 (chị T được hưởng 6,5 chỉ, anh V được hưởng 6,5 chỉ nhưng anh V không yêu cầu bà H trả lại 6,5 chỉ vàng).

Chấp nhận yêu cầu của chị T về việc yêu cầu chia đôi 13 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 là tài sản chung của vợ chồng.

Chị Huỳnh Thị Minh T được hưởng 6,5 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 trị giá 23.790.000đ (hai mươi ba triệu bảy trăm chín mươi ngàn đồng). Anh V được hưởng 6,5 chỉ vàng 24k, loại vàng 9999 nhưng anh không yêu cầu (số vàng trên hiện nay bà Nguyễn Kim H đang quản lý).

3. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm:

Chị Huỳnh Thị Minh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0008570, ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp.

Chị Huỳnh Thị Minh T phải chịu 1.189.500đ (một triệu một trăm tám mươi chín ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Được khấu trừ 687.000đ (sáu trăm tám mươi bảy ngàn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0008571, ngày 15/3/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp. Chị T còn phải nộp 502.500đ (năm trăm lẻ hai ngàn đồng).

Bà Nguyễn Kim H phải chịu 1.189.500đ (một triệu một trăm tám mươi chín ngàn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án mà bên phải thi hành án chưa thi hành xong, thì hàng tháng còn phải chịu tiền lãi bằng 50% mức lãi suất theo quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian chưa thi hành án, đến khi thi hành án xong.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (21/6/2019).

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh ĐT;
- VKSND huyện LV;
- CCTHADS huyện LV;
- Các đương sự;
- Lưu HS, AV.

Ngô Thị Cẩm Hồng

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUY[redacted]NG
TỈNH ĐỒNG THÁ[redacted]

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

[redacted]

Thá[redacted]

Với H[redacted]ng

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Nguyễn Văn Út.

Các Hội thẩm nhân dân:

[redacted]g

[redacted]

[redacted]ST

[redacted]

- - *Ngu[redacted]* 1987

Đ[redacted]

[redacted]Tr[redacted] 1987

Thá[redacted]

Kế[redacted]sử tỉnh Đồng Tháp.

Can[redacted]quả tranh
tụ[redacted]ại phiê[redacted]

[redacted]

[redacted]

[redacted]

[redacted]

II. Kết quả biểu quyết: [redacted] viên Hội đồng xét xử thống nhất [redacted]

Về con chung: [redacted] Duy, sinh ngày 18/10/201[redacted] Ng[redacted] nuôi con.

Anh[redacted]ng các thành viên trong gia đình không được cản trở[redacted]g việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

III. Kết quả biểu quyết: 3/3 thành viên Hội đồng xét xử thống nhất 100%.

3. Về án phí và tạm ứng án phí sơ thẩm: [redacted] hải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Được khấu trừ 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai số: 0001193, ngày 10/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lai Vung, tỉnh Đồng Tháp[redacted]

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (07/3/2018).

[redacted]

Biê[redacted]tất cả thành[redacted]ét xử cùng nghe và ký tên[redacted]

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ **THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

1/

2/ [redacted]